

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2020

V/v : Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Liên Sơn

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đoàn Xuân Miến

2/ Ông Đinh Thiện Tụy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Tòa:**

Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 601/2020/HNGĐ-ST ngày 01/10/2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXX-ST ngày 10/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐST-DS ngày 27/11/2020; Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kiều N**- Sinh 1975;(Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 22b, tổ 1, phường T (Số mới là P508, khu tập thể Bệnh viện H, ngõ 203, phố K, phường T), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

Trú tại: Số 19, ngách 53/22, ngõ 252 phố TS, phường TL, quận Đ, Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Anh **Hoàng Anh T**- Sinh 1978; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 22b, tổ 1, phường T (Số mới là P508, khu tập thể Bệnh viện H, ngõ 203, phố K, phường T), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Tại Đơn xin ly hôn ngày 25/9/2020, cùng các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:* Chị và anh Hoàng Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2008, tại UBND phường Thanh Nhàn, Hà Nội. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong cuộc sống hàng ngày, anh T không tin tưởng, tôn trọng chị, thường hay chửi bới chị trước mặt các con. Từ tháng 3/2020, do bị anh T đánh đập nhiều lần, chị đã phải đi thuê nhà ở. Cũng trong tháng 3/2020, chị đã nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, nhưng sau đó lại rút đơn để anh T thay đổi cách sống. Tuy nhiên, khi chị chuẩn bị dọn về sống với anh T thì anh T lại tiếp tục đánh chị. Nay chị xác định tình cảm với anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Hoàng Tuấn H- Sinh 06/4/2006 và Hoàng Minh H1- Sinh 28/8/2011. Từ năm 2019, chị đã đưa hai con đi nơi khác sống. Cả hai con đều đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Nếu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu các cháu có nguyện vọng được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cũng đồng ý. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 13/10/2020, cùng các biên bản hòa giải, anh Hoàng Anh T trình bày:* Thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Từ khi anh và chị N yêu nhau, đã phát sinh nhiều quan điểm bất đồng, nhưng do thời điểm đó chị N và anh đã có con chung nên năm 2008 anh mới kết hôn với chị N. Thực tế, khi kết hôn với chị N anh đã không có tình cảm.

Quá trình chung sống, ngay từ thời gian đầu vợ chồng đã không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị N thường hay ghen với các mối quan hệ bạn bè của anh. Anh làm nghề lái xe nhiều áp lực, nên khi về nhà hay bức xúc thành hành động hoặc nói nặng lời với vợ con, đối với chị N thì việc anh nói xúc phạm chị N là rất nghiêm trọng. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng khi chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác. Tháng 3/2020, chị N làm đơn ly hôn anh tại Tòa án. Do anh nghĩ rằng lý do chị N ly hôn là lỗi của anh, nên anh đã đề nghị chị N rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tháng 5/2020, chị N rút đơn nhưng không về chung sống với anh. Lúc này anh mới biết nguyên nhân chị N làm đơn ly hôn là do có mối quan hệ ngoại tình.

Anh công nhận có đánh chị N vì chị N mang hai con đi nơi khác không nói địa chỉ cho anh. Anh đánh chị N chỉ là để cho chị N phải về chung sống cùng nhà với anh.

Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh: ngay từ khi đến với chị N, anh đã không có tình cảm. Đến nay anh cũng không có tình cảm với chị N, nhưng vì các con còn nhỏ và anh đang tố cáo người đàn ông quan hệ ngoại tình, nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị N khai. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Nếu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề lái xe công nghệ nên có nhiều thời gian đưa đón các con đi học. Thu nhập hàng tháng của anh khoảng từ 18 đến 25 triệu đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kiều N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Anh T. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T thường hay xúc phạm chị làm cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác nhận không còn tình cảm với anh T, chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Nếu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ tháng 4/2020 cho đến nay, các cháu đều do chị trực tiếp chăm sóc. Hiện nay, chị đang làm việc tại Công ty Sơn Saito của Nhật bản. Thu nhập của chị hàng tháng 40 triệu đồng. Công việc làm hành chính, nên chị đủ điều kiện để đưa đón các con chung đi học.

Về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Anh T xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có quan hệ ngoại tình. Anh công nhận trong cuộc sống chung, anh cũng có to tiếng với chị N, có tát chị N vài lần. Không phải anh thường xuyên đánh chửi chị N. Mặc dù khi kết hôn với chị N anh không yêu, nhưng khi chung sống anh vẫn thương chị N. Đến nay anh vẫn còn tình thương với chị N, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Nếu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm tài xế Taxi công nghệ, thu nhập hàng tháng từ 30-40 triệu đồng. Anh có đủ thời gian để trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hoàng Tuấn H và Hoàng Minh H1- Sinh 28/8/2011 có mặt tại phiên tòa đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu H xác nhận có viết nguyện vọng được ở với bố, nhưng cháu viết là do bị bố gây sức ép. Tại phiên tòa cháu H xác nhận mẹ cháu mới là người đem lại tinh thần ổn định cho cháu và em.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Việc thụ lý vụ án “tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện việc tranh tụng, xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về tình cảm: xác định mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N. Cho chị N ly hôn anh T.

Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không xét

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Việc chị Nguyễn Thị Kiều N làm đơn xin ly hôn anh Hoàng Anh T (Cư trú tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N: căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn, lời khai của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị và anh Hoàng Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2008, tại UBND phường Thanh Nhàn, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: qua lời khai của anh T, chị N, Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ khi kết hôn đã không có tình cảm, không tin tưởng lẫn nhau. Anh T là người nóng nảy, không kiềm chế được nên hay xúc

phạm chị N. Đây là biểu hiện của việc bạo hành trong gia đình. Do thiếu hiểu biết, nên khi bị bạo hành, chị N không nhờ bất cứ một cơ quan, đoàn thể nào bảo vệ quyền và lợi ích cho chị.

Anh T cũng xác nhận anh đánh chị N do chị N mang hai con đi không nói gì với anh, anh đánh chị N để chị N phải quay về chung sống với anh. Hành vi của anh T đã vi phạm luật hôn nhân gia đình, không tôn trọng nhân phẩm, danh dự của chị N, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N. Cho chị Nguyễn Thị Kiều N ly hôn anh Hoàng Anh T.

[2.2] Về con chung: Xác định vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung là Hoàng Tuấn H- Sinh 06/4/2006 và Hoàng Minh H1- Sinh 28/8/2011.

Khi ly hôn, anh T và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của anh T, chị N. Tuy nhiên để ổn định cuộc sống về tinh thần, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ nguyện vọng của các cháu H, cháu H1 tại phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: giao 02 con chung là Hoàng Tuấn H- Sinh 06/4/2006 và Hoàng Minh H1- Sinh 28/8/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu nên không xét.

Anh Hoàng Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: chị N, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03984 ngày 29/9/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tiểu mục 1.1 khoản 1, điểm e tiểu mục 1.3 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N. Cho chị Nguyễn Thị Kiều N ly hôn anh Hoàng Anh T.

[2]*Về con chung*: giao con chung là Hoàng Tuấn H- Sinh 06/4/2006 và Hoàng Minh H1- Sinh 28/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu, nên không xét.

Anh Hoàng Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]*Về tài sản chung là động sản và bất động sản*: không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]*Về án phí*: chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Kiều N đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03984 ngày 29/9/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Chị Nguyễn Thị Kiều N, anh Hoàng Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- UBND p. Thanh Nhàn;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Liên Sơn